

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 01 đến 07/03/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: 10-30mm, có nơi trên 50mm như Bắc Quang (Hà Giang) 63.4mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tương đương với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 73%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang cao hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 47%. + Trên sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo xu thế xấp xỉ so với 7 ngày trước. So với TBNN, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 27%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 32%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
+ Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-20mm, có nơi trên 30mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái sẽ giảm và ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 71%. + Trên sông Lô: Lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ cao hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 59%. + Trên sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế xấp xỉ so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 6%. + Trên sông Hồng: Lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng Hà Nội sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 33%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: 5-20mm, có nơi trên 30mm như Mẫu Sơn (Lạng Sơn) 35.4mm.
- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy tương đương so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 316%. + Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lục Nam đang biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với kì trước và thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 18%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-20mm, có nơi trên 30mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy tiếp tục biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy thấp hơn so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 222%. + Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy tiếp tục biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo ít biến đổi so với kì trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 17%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-20mm, có nơi trên 30mm như Hương Sơn (Hà Tĩnh) 42.9mm. Riêng phía Nam <5mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực ít biến đổi so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 43%, sông Cả tại trạm Yên Thượng ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn khoảng 39%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 54%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 307%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-40mm, có nơi trên 70mm (tập trung ở phía Nam).
- Tổng lượng dòng chảy:

- + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 17%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 8%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 54%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 29%.
- + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 301%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 0-30mm, có nơi trên 40mm như Cm Ranh (Khánh Hòa) 49.7mm, Lý Sơn (Quảng Ngãi) 44.8mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 12% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn TBNN cùng kỳ 17%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mức nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 10%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 49%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 36%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 114% , sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 70%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-40mm, có nơi trên 70mm (tập trung ở phía Bắc).
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn ở mức xỉ TBNN, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 48%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn

thấp hơn so với TBNN 33% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng cao hơn so với TBNN 35%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 20-50mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần qua, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và Krông Ana biến đổi ở mức xấp xỉ và giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 8%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn ở mức tương đương TBNN.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-20mm, có nơi trên 30mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và Krông Ana biến đổi ở mức tương đương và tăng so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 9%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 48%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục biến đổi chậm, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn 20% so với TBNN và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc tương đương so với TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 08/03/2026.

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 07/03/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	13.6	>33	0	0	0	0.7	0.8	0.3	1	2.8	<64
	Sơn La	6.5	<13	0	0	0.8	0	3.8	0.1	0.5	5.2	>20
	Hòa Bình	10.3	>140	0	5.7	0.1	0	0.1	0.1	0	6	>23
	Lào Cai	3.2	<45	0.2	0	0.9	0.2	0	0.1	1.7	3.1	<48
	Yên Bái	16.3	>71	0.2	1.2	0	0	1.1	0.2	0	2.7	<70
	Tuyên Quang	11.6	>35	0.2	0.5	0	0	0.3	0.6	0	1.6	<70
	Hà Giang	5.6	<61	0.6	1.6	1.2	0	0	1.7	2	7.1	<35
	Láng	13.5	>148	0	5.2	0	0	0	0.1	0	5.3	<41
	Thái Bình	2.6	<47	0	2.8	1.9	0	0.6	0.1	0	5.4	<28
	Nam Định	0.3	<95	0	3.4	4.4	0	0.3	0.2	0	8.3	<9
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	20.6	>207	0.7	1	0	0	0	0.7	0	2.4	<66
	Thái Nguyên	9.7	>23	0.4	15.2	0	0	0.5	0.2	0	16.3	>111
	Bắc Ninh	16.7	>237	0.1	4.2	0	0	0.1	0	0	4.4	<53
	Lạng Sơn	12.2	>100	0.1	6.4	0	0	0	0.1	0	6.6	<16
	Bắc Giang	14.8	>200	0.7	5	0	0	0	0	0	5.7	<17
	Hải Dương	7.7	>96	0.7	24	0	0	0.1	0.1	0	24.9	>241
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	35.6	>839	0.2	1	0.2	0.1	0.2	0.3	0	2	<26
	Bái Thượng	8.9	>22	0	0.6	4.9	0.1	0.3	0.1	0	6	<28
	Thanh Hóa	2.6	<29	0	0.6	5.7	0.3	0.8	0	0	7.4	>25
	Quỳ Châu	16	>74	0	0.1	1.1	1	0.1	0.5	0.1	2.9	<46
	Cửa Rào	29.8	>1126	0.1	0	1.5	0.2	1.1	0.7	0.2	3.8	<20
	Đô Lương	19.4	>171	0	1	4.7	0.3	1.9	1.2	2.2	11.3	>32

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Vinh	10.2	<9	0	0.1	1.5	0.3	2	1	3.7	8.6	<39
	Hương Sơn	42.9	>285	0.2	0.2	8.8	0	1.4	0.2	3.7	14.5	<19
	Hương Khê	20.9	>63	0	0	3.1	2.2	3.2	1.4	3.8	13.7	>32
	Hà Tĩnh	3.8	<69	0.2	0	2.2	1.2	4.3	2.4	2.1	12.4	<12
	Đồng Hới	3.4	<50	0.3	0	5.7	3.2	5.9	7.7	1.6	24.4	>205
	Quảng Trị	0	<100	0	0.3	4.6	2.8	8.5	2.3	1	19.5	>120
	Nam Đông	3.9	<67	0.7	12.1	22.8	17.7	6.6	6.3	0.9	67.1	>409
	Huế	1.9	<80	0.7	1.6	7.7	9.6	14.2	9.8	0.7	44.3	>305
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	4.2	>7	0	0	9.4	46.4	8.7	6.1	2	72.6	>1063
	Trà My	14	<8	5.8	0.4	16.7	24	10	14.5	1.2	72.6	>336
	Ba Tơ	14.3	<0	2.9	4	16.3	23.2	8.7	15.6	3.5	74.2	>531
	Quảng Ngãi	12.3	>15	0.6	0.2	11.9	9.3	5	12.5	1.5	41	>206
	Quy Nhơn	27.4	>461	0.3	0.1	0.7	3.5	7.9	8.1	1.9	22.5	>266
	An Khê	35.2	>2567	2.5	1.5	19.8	6.2	3.3	2	0.5	35.8	>2180
	Tuy Hòa	0.4	<95	0	0	0.2	0.5	3.2	10.3	1.7	15.9	>266
	Nha Trang	0.2	<96	0.1	0	0	0	1.1	2	1.2	4.4	>24
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	59.2	>3671	0.7	6.2	18.9	15.1	7.9	0.1	0	48.9	>433
	Lắk	63.1	>18459	0.4	1.8	2.1	1.5	2.8	1.1	0.5	10.2	>5000
	Buôn Mê Thuật	38.1	>10197	2.6	0.6	3.3	0.3	0.2	1	0	8	>1678
	Biên Hòa	10.1	>267	0	0	0.2	0.9	0.3	6.6	0.4	8.4	>105
	Cần Thơ	43.1	>3616	1.2	0.1	0.1	5.5	3.5	11.8	1.7	23.9	>541

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 01 đến ngày 07/03/2026

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 22/02 đến 28/02	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				01/03	02/03	03/03	04/03	05/03	06/03	07/03	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	31	<74	4.5	4.4	4.4	4.3	4.1	4.1	3.9	29.7	<71
Lô	Tuyên Quang	70.85	<47	13	12	11	11	10	10.0	11	78	<59
Đà	Hồ Hòa Bình	428	>27	56	52	56	54	52	53.0	53	375	>6
Hồng	Hà Nội	671	>32	97	96	93	88	84	79.0	88	624	>33
Cầu	Gia Bảy	42.3	>316	6.6	6.02	5.48	4.51	4.13	3.7	3.43	33.9	>222
Lục Nam	Chũ	1.81	<18	0.3	0.27	0.24	0.24	0.24	0.2	0.2	1.7	<17
Mã	Cắm Thủy	166.8	> 43%	12.7	12.72	12.99	13.12	13.39	14.1	14.7	93.7	>17%
Cả	Yên Thượng	182.3	~TBNN	16	16.01	16.34	16.51	16.85	17.7	18.5	117.9	< 8%
La	Hòa Duyệt	55.3	>39%	4.8	4.76	4.86	4.91	5.01	5.3	5.51	35.1	>29%
Tả Trách	Thượng Nhật	14.8	>307	2.1	1.9	1.8	1.6	1.7	1.6	1.5	12.2	>301
Thu Bồn	Nông Sơn	74.4	<12	12.1	11.8	11.5	11.7	11.4	11.0	10.4	79.9	~ TBNN
Trà Khúc	Sơn Giang	66.5	>17	11.6	11.3	11.4	11.4	11.1	11.0	10.8	78.6	> 48

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 22/02 đến 28/02	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				01/03	02/03	03/03	04/03	05/03	06/03	07/03	Tổng	So sánh TBNN (%)
Ba	Củng Sơn	21.53	<49	4.3	3.5	3.28	3.11	2.76	2.6	2.42	21.94	<33
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	22.38	>36	3.3	3.11	3.02	2.94	2.76	2.6	2.42	20.12	>35
ĐăkBlá	KonTum	20.81	< 8	3	2.9	2.82	2.71	2.77	2.9	2.62	19.6	< 9
Srêpôk	Giang Sơn	15.19	~ TBNN	2.95	3.08	2.98	2.85	2.73	2.5	2.42	19.5	>48
Tiền	Tân Châu			346	350	346	342	337	333.0	329	2384	>20
Hậu	Châu Đốc			42	44	43	43	42	39.0	36	292	~ TBNN